

Bản án số: **22/2022/KDTM -ST**

Ngày: 26 tháng 5 năm 2022

V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng.*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*

**Bà Hoàng Thị Thoa**

*Các Hội thẩm nhân dân*

**Ông Nguyễn Hồng Thái**

**Bà Chu Thị Tuyết**

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa*

**Ông Bùi Thanh Hải**

Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân – Thành phố Hà Nội.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân tham gia phiên tòa:*

**Bà Dương Văn Anh** – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 40/2021/TLST-KDTM ngày 26 tháng 05 năm 2021, về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2022/QĐXX-KDTM ngày 06 tháng 4 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2022/QĐST-KDTM ngày 05/5/2022, giữa các đương sự;

**Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ Phần S.**

Trụ sở: Số X P - Quận I – Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Quang L - Chức vụ: Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị. Đại diện theo uỷ quyền là Ông Hoàng Văn V - Chức vụ: Phó Giám Đốc Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Long Biên; Người được uỷ quyền lại: Ông Phạm Quốc K – Trưởng phòng Kinh doanh.

**Bị đơn: Bà Nguyễn Bích N**, Sinh năm 1990

HKTT: Số 65 tổ Y T, phường T, quận H, Hà Nội. Cư trú tại: Số 9 ngách Z Ngõ C, quận Đ, TP Hà Nội.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

**1. Bà Nguyễn Thị C** – Sinh năm 1969

**2. Ông Trịnh Duy T** – Sinh năm 1971

**3. Anh Trịnh Duy T** – Sinh năm 1999

**4. Chị Trịnh Thị D** – Sinh năm 2006

Trú tại: Số 16, Ngõ M phố Y, Tổ 1, phường Y, quận H, thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa: Ông K, bà N có mặt, còn lại những người khác vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 13/06/2011, Ngân hàng thương mại cổ phần S – Chi nhánh Long Biên (gọi tắt “Ngân hàng”) và bà Nguyễn Bích N đã ký Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 172/2011/HĐTDTL-CN. Tổng số tiền vay: 2.500.000.000 đồng (*Hai tỷ năm trăm triệu đồng chẵn*); Mục đích vay: Kinh doanh quần áo, giày dép, túi xách, mỹ phẩm cao cấp. Thời hạn vay: 09 tháng kể từ ngày 13/6/2011 đến ngày 13/3/2012. Lãi suất vay 24%/năm, lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tính tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Thời hạn trả nợ lãi vay chậm nhất vào ngày 25 hàng tháng; Trả nợ gốc được thanh toán chậm nhất vào ngày đáo hạn của kỳ hạn vay vốn.

Tài sản đảm bảo nợ vay là Quyền sử dụng 190,3 m<sup>2</sup> đất ở trên thửa đất số: 177; tờ bản đồ số: 02 tại địa chỉ Y, phường Y, quận Hà Đông, TP Hà Nội theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BĐ 714436; Số vào sổ cấp GCN: CH-001215 do UBND quận Hà Đông cấp ngày 16/03/2011 mang tên chủ sử dụng đất bà Nguyễn Bích N. Hợp đồng thế chấp được ký giữa bên thế chấp bà Nguyễn Bích N với bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Long Biên ngày 10/6/2011, tại Phòng Công chứng số 1 – Thành phố Hà Nội, số công chứng 5138,11, quyển số 02-TP/CC-CC/HĐGD. Tài sản thế chấp được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – Phòng tài nguyên và môi trường quận Hà Đông, TP Hà Nội ngày 10/6/2011.

Thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng tín dụng, ngày 13/06/2011 Ngân hàng đã giải ngân cho bà N số tiền vay theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng là **2.500.000.000đồng** (Bằng chữ: *Hai tỷ năm trăm triệu đồng chẵn*) theo giấy nhận nợ số 01/172/2011/GNN.

Quá trình thực hiện Hợp đồng vay, bà Nguyễn Bích N chỉ thực hiện việc thanh toán được 34.000.000đồng tiền nợ gốc và 325.406.072 đồng nợ lãi, sau đó khoản nợ bị chuyển sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, gửi thông báo, giấy mời yêu cầu thanh toán các khoản nợ, bà Nguyễn Bích N đã rất nhiều lần cam kết trả nợ cho ngân hàng qua các buổi làm việc (được ghi nhận qua các biên bản làm việc) nhưng cho đến nay các khoản nợ gốc và lãi quá hạn tại ngân hàng vẫn chưa được thanh toán như đã cam kết.

Tạm tính đến ngày 30/04/2021, tổng cộng số tiền nợ của bà N theo Hợp đồng tín dụng số 172/2011/HĐTDTL-CN ngày 13/06/2011 là: 10.339.350.187đồng; Trong đó nợ gốc: 2.466.000.000đồng; Nợ lãi trong hạn và lãi chậm trả nợ lãi là: 5.291.523.624 đồng; Nợ lãi quá hạn: 2.581.826.563đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng có văn bản điều chỉnh cách tính lãi suất nợ quá hạn được tính theo các kỳ được thỏa thuận trong Hợp đồng vay và rút yêu cầu tính lãi phạt chậm trả lãi. Cụ thể tổng các khoản nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày 26/5/2022 là: 7.462.725.116đồng; Trong đó nợ gốc 2.466.000.000đồng, nợ lãi trong hạn là 121.781.428đồng, nợ lãi quá hạn 4.874.943.688đồng.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự: “Nếu tranh chấp phát sinh từ hoạt động của chi nhánh tổ chức thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi tổ chức có trụ sở hoặc nơi tổ chức có chi nhánh giải quyết”. Vì vậy, Ngân hàng lựa chọn Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân giải quyết và đề nghị Tòa án buộc:

Bà Nguyễn Bích N phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ các khoản gồm nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng số: 172/2011/HĐTDTL-CN ngày 13/06/2011 và Giấy nhận nợ số 01/172/2011/GNN ngày 13/06/2011 tạm tính đến ngày 26/5/2022 là 7.462.725.116đồng, trong đó nợ gốc 2.466.000.000đồng, nợ lãi trong hạn là 121.781.428đồng, nợ lãi quá hạn 4.874.943.688đồng.

Ngoài ra bà Nguyễn Bích N còn phải chịu số nợ lãi quá hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và được tính tiếp tục cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ gốc, nợ lãi.

Trường hợp bà Nguyễn Bích N không trả được toàn bộ nợ gốc, lãi và lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng trên, đề nghị Tòa án tuyên trong bản án Ngân hàng được quyền xử lý kê biên và phát mại toàn bộ tài sản thế chấp nói trên của bà Nguyễn Bích N theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để vay vốn ngân hàng số 5138, 11 ngày 10/06/2011 ký tại Phòng công chứng số 1 TP Hà Nội để thu hồi nợ. Nếu số tiền thu được do xử lý tài sản thế chấp trên không đủ để thanh toán hết toàn bộ nợ gốc, nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn thì bà Nguyễn Bích N tiếp tục phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng cho đến khi khoản nợ được thanh toán hết.

Bị đơn là bà Nguyễn Bích N trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Bà N xác nhận ngày 13/6/2011, bà đã ký Hợp đồng tín dụng số 172/2011/HĐTDTL-CN với Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Long Biên để vay số tiền là: 2.500.000.000 đồng (*Hai tỷ năm trăm triệu đồng chẵn*). Các nội dung thỏa thuận trong Hợp đồng vay đúng như Ngân hàng đã trình bày. Bà là hộ kinh doanh cá thể nên mục đích vay để kinh doanh quần áo, giày dép, túi xách, mỹ phẩm cao cấp ; Thời hạn vay 09 tháng kể từ ngày 13/6/2011 đến ngày 13/3/2012; Lãi suất vay 24%/năm, lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần; Lãi suất nợ quá

hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tính tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Thời hạn trả nợ lãi vay chậm nhất vào ngày 25 hàng tháng; Trả nợ gốc được thanh toán chậm nhất vào ngày đáo hạn của kỳ hạn vay vốn.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay bà N ký Hợp đồng thế chấp tài sản là Quyền sử dụng 190,3 m<sup>2</sup> đất ở trên thửa đất số: 177; tờ bản đồ số: 02, tại địa chỉ Y, phường Y, quận Hà Đông, TP. Hà Nội theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BĐ 714436; Số vào sổ cấp GCN: CH-001215 do UBND quận Hà Đông cấp ngày 16/03/2011 mang tên bà Nguyễn Bích N. Hợp đồng thế chấp được ký giữa bên thế chấp bà Nguyễn Bích N với bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Long Biên ngày 10/6/2011, tại Phòng Công chứng số 1 – Thành phố Hà Nội, số công chứng 5138,11, quyền số 02-TP/CC-CC/HĐGD. Tài sản thế chấp được đăng ký gia dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – phòng tài nguyên và môi trường quận Hà Đông, TP Hà Nội ngày 10/6/2011.

Thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng tín dụng nêu trên, Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Long Biên đã giải ngân tiền vay cho bà N vào ngày 13/06/2011 với số tiền là 2.500.000.000đồng (*Hai tỷ năm trăm triệu đồng chẵn*) theo giấy nhận nợ số 01/172/2011/GNN.

Trong Hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ nêu trên có quy định: Thanh toán lãi phát sinh hàng tháng và thanh toán nợ gốc khi đến hạn theo quy định trên giấy nhận nợ. Tuy nhiên do bà N gặp khó khăn trong kinh doanh nên đã không thực hiện thanh toán nợ gốc và nợ lãi khi đến hạn. Tính đến ngày 26/5/2022 bà N mới chỉ thanh toán phần được 34.000.000đồng (Ba mươi tư triệu đồng) tiền nợ gốc, còn nợ là **2.466.000.000**. Lãi trong hạn là 447.187.500đồng, đã trả được 325.406.072 đồng, còn nợ 121.781.428đồng. Còn lại số tiền lãi quá hạn tính từ thời điểm chuyển nợ quá hạn đến nay bà N chưa thanh toán trả được Ngân hàng.

Nay, đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu bà N phải trả số tiền nợ gốc, các khoản tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng, tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 7.462.725.116đồng, trong đó nợ gốc 2.466.000.000đồng, nợ lãi trong hạn là 121.781.428đồng, nợ lãi quá hạn 4.874.943.688đồng, bà N xác nhận toàn bộ số nợ trên và cam kết sẽ thanh toán trả cho Ngân hàng.

Trong trường hợp bà N không có khả năng trả nợ, bà đồng ý đối với việc Ngân hàng được phát mại tài sản thế chấp của bà là: Quyền sử dụng 190,3 m<sup>2</sup> đất ở trên thửa đất số: 177; tờ bản đồ số: 02 tại địa chỉ Y, phường Y, quận Hà Đông, TP. Hà Nội theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BĐ 714436; Số vào sổ cấp GCN: CH-001215 do UBND quận Hà Đông cấp ngày 16/03/2011 mang tên bà để thu hồi nợ.

*Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với nhà đất của bà Nguyễn Bích N thì thấy trên nhà đất này hiện có gia đình bà Nguyễn Thị C, ông Trịnh Duy T, anh Trịnh Duy T, chị Trịnh Thị D đang sinh sống tại đây. Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án bổ sung người liên quan và đưa những người này vào tham gia tố tụng. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo quyền và nghĩa vụ tố tụng...

Ngày 21/10/2021, bà Nguyễn Thị C có đến Tòa án làm việc, tại biên bản hòa giải bà C có ý kiến: Gia đình bà đã nhận được các văn bản của Tòa án và đã giao cho các thành viên trong gia đình. Gia đình bà có ở trên nhà cấp 4 cũ lợp mái proximang mà hiện nay giấy chứng nhận đứng tên bà Nguyễn Thị Bích N. Theo thông báo của Tòa án gia đình bà không có tài liệu, chứng cứ gì nộp cho Tòa án để chứng minh được quyền sở hữu của mình trên đất và việc xây dựng nhà tạm cấp 4 mà gia đình bà đang ở trên đất của bà N, đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên khi buổi làm việc kết thúc bà C tự ý bỏ về không ký vào biên bản. Sau đó Tòa án tiếp tục tổng đạt các văn bản tố tụng, những người này đã nhận được và biết các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến làm việc, không có ý kiến trình bày gửi đến Tòa án, không có yêu cầu độc lập, không yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề gì liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do vậy Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

**Tại phiên tòa:**

\* Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày và vẫn giữ yêu cầu khởi kiện về tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng 172/2011/HĐTDTL-CN ngày 13/6/2011 và Giấy nhận nợ số 01/172/2011/GNN. Tuy nhiên, đối với số tiền nợ lãi quá hạn mà nguyên đơn yêu cầu ban đầu, nay nguyên đơn điều chỉnh cách tính mức lãi suất nợ quá hạn theo kỳ được quy định tại Hợp đồng tín dụng và rút yêu cầu tính lãi phạt của phần nợ lãi vay chậm trả được hai bên thỏa thuận trong Hợp đồng. Cụ thể tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 26/5/2022, yêu cầu bà N phải trả tổng số tiền là 7.462.725.116đồng, trong đó nợ gốc 2.466.000.000đồng, nợ lãi trong hạn là 121.781.428đồng, nợ lãi quá hạn 4.874.943.688đồng.

Trong trường hợp bà N không trả khoản nợ trên cho Ngân hàng, đề nghị Tòa án tuyên trong bản án Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý kê biên, phát mại tài sản đã thế chấp của bà N nêu trên để thu hồi nợ. Nếu sau khi phát mại tài sản thế chấp mà chưa thu đủ số tiền nợ, buộc bà Nguyễn Bích N phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nốt số tiền nợ còn lại cho đến khi khoản nợ được thanh toán

xong.

\* Bị đơn bà Nguyễn Bích N trình bày: Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác nhận toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn tạm tính đến ngày xét xử 26/5/2022 là 7.462.725.116đồng, trong đó nợ gốc 2.466.000.000đồng, nợ lãi trong hạn là 121.781.428đồng, nợ lãi quá hạn 4.874.943.688đồng. Bà đồng ý với việc Ngân hàng rút yêu cầu tính lãi phạt chậm trả nợ lãi. Trong trường hợp bà N không trả được số tiền trên, bà N đồng ý để Ngân hàng xử lý kê biên, phát mại tài sản thế chấp của bà để thu hồi nợ.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 40 BLTTDS.

Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ án, thẩm phán được phân công cơ bản đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS, tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho các đương sự theo đúng quy định tại điều 177 BLTTDS, đã tiến hành thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định pháp luật, thu thập tài liệu chứng cứ theo đúng quy định tại Điều 97 BLTTDS, xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định tại Điều 101 BLTTDS. Quyết định đưa vụ án ra xét xử đã được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định tại Điều 220 BLTTDS và đã được tổng đạt hợp lệ đến đương sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại chương 14 của BLTTDS, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các nhiệm vụ, quyền hạn qui định tại Điều 51 BLTTDS.

Nguyên đơn, bị đơn, người liên quan đã chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, 72, 73 BLTTDS trong việc nộp đơn khởi kiện, cung cấp tài liệu chứng cứ, nộp tạm ứng án phí và trình bày yêu cầu của mình.

+ Về nội dung vụ án:

Căn cứ theo quy định tại Điều 342, 243, 355; Điều 471; Điều 474; Điều 476 Bộ luật dân sự 2005. Điều 90, 91, 94, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Khoản 1 điều 30; điểm d khoản 1 Điều 36; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 97, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 244; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Căn cứ nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch đảm bảo; Nghị định 11/CP/2012 ngày 22/2/2011 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch đảm bảo. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với bà Nguyễn Bích N.

- Buộc bà Nguyễn Bích N phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền còn nợ gốc còn lại là 2.466.000.000 đồng và các khoản lãi trong hạn, lãi quá hạn được điều chỉnh qua từng thời kỳ theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng ngắn hạn tính đến ngày xét xử.

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về yêu cầu tính lãi chậm trả lãi đối với khoản lãi vay chậm trả.

- Trường hợp bà N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP S có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, bán đấu giá tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật là Toàn bộ QSD 190,3 m<sup>2</sup> đất ở trên thửa đất số 177 tờ bản đồ số 02 tại địa chỉ Y, phường Y, Hà Đông, Hà Nội theo GCN QSD đất, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BD 714436, sổ vào sổ cấp GCN: CH-001215 do UBND quận Hà Đông cấp ngày 16/3/2011, mang tên chủ sở hữu và sử dụng tài sản nêu trên là bà Nguyễn Bích N.

- Trường hợp số tiền phát mại tài sản không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì bà N phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng TMCP S cho đến khi khoản nợ được tất toán.

- Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo qui định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng.**

##### *[1.1] Về quan hệ pháp luật:*

Việc ký kết Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Long Biên với ông bà Nguyễn Bích N là hộ kinh doanh cá thể với mục đích bổ sung vốn kinh doanh nên xác định đây là vụ án Kinh doanh thương mại về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

##### *[1.2] Về thẩm quyền giải quyết:*

Hợp đồng tín dụng được ký giữa Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Long Biên với bà Nguyễn Bích N. Hiện nay Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Long Biên có địa chỉ tại quận Thanh Xuân, nguyên đơn lựa chọn việc khởi kiện bị đơn tại Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự: “*Nếu tranh chấp phát sinh từ hoạt động của chi nhánh tổ chức thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi tổ chức có trụ sở hoặc nơi tổ chức có chi nhánh giải*

*quyết” là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định.*

*[1.3] Việc tham gia phiên tòa của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Tại phiên tòa lần thứ nhất ngày 05/5/2022 bà Nguyễn Thị C có đơn xin hoãn phiên tòa, những người liên quan khác vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay các đương sự vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người liên quan theo quy định của pháp luật.

## **[2] Về nội dung:**

*[2.1] Về hiệu lực của Hợp đồng tín dụng:*

Ngày 13/06/2011, Ngân hàng thương mại cổ phần S – Chi nhánh Long Biên (gọi tắt “Ngân hàng”) và bà Nguyễn Bích N là hộ kinh doanh cá thể ký Hợp đồng tín dụng số 172/2011/HĐTDTL-CN; Giấy nhận nợ số 01/172/2011/GNN. Tổng số tiền vay: 2.500.000.000 đồng (*Hai tỷ năm trăm triệu đồng chẵn*); Mục đích vay: Kinh doanh quần áo, giày dép, túi xách, mỹ phẩm cao cấp. Thời hạn vay: 09 tháng kể từ ngày 13/6/2011 đến ngày 13/3/2012. Lãi suất vay 24%/năm, lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tính tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Thời hạn trả nợ lãi vay chậm nhất vào ngày 25 hàng tháng; Trả nợ gốc được thanh toán chậm nhất vào ngày đáo hạn của kỳ hạn vay vốn. Xét thấy Hợp đồng tín dụng được ký kết dựa trên sự tự nguyện thỏa thuận, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nội dung và hình thức của Hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 471, 476 Bộ luật dân sự 2005 nên phát sinh hiệu lực và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

*[2.2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả nợ khoản vay:*

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán trả số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 172/2011/HĐTDTL-CN; Giấy nhận nợ hai bên đã ký kết ngày 13/6/2011, tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 26/5/2022 tổng cộng là 7.462.725.116đồng, trong đó nợ gốc 2.466.000.000đồng, nợ lãi trong hạn là 121.781.428đồng, nợ lãi quá hạn 4.874.943.688đồng, xét thấy:

\* *Đối với số tiền nợ gốc:* Sau khi ký kết Hợp đồng tín dụng, ngày 13/6/2011 Ngân hàng đã giải ngân đủ cho bà Nguyễn Bích N số tiền vay là 2.500.000.000đồng (*Hai tỷ năm trăm triệu đồng*), bà N ký vào giấy nhận nợ vay.

Theo thỏa thuận tại Điều 2 Hợp đồng tín dụng: *“Thời hạn vay và kế hoạch trả nợ của từng lần nhận vốn được ghi trên Giấy nhận nợ”*; điểm b Điều 3 Giấy nhận nợ: *“Thời hạn vay 09 tháng kể từ ngày 13/6/2011 đến ngày 13/3/2012; Thời hạn trả nợ lãi vay chậm nhất vào ngày 25 hàng tháng; Trả nợ gốc được thanh toán chậm*



*nhất vào ngày đáo hạn của kỳ hạn vay vốn*”. Tuy nhiên trong suốt quá trình vay vốn, do việc làm ăn gặp khó khăn nên bà N xác nhận chỉ trả nợ được 34.000.000đồng tiền gốc sau đó không trả thêm số tiền gốc nào nữa. Tại phiên tòa bà N xác nhận số tiền nợ gốc còn lại chưa trả cho Ngân hàng tính đến ngày 26/5/2022 là 2.466.000.000đồng (*Hai tỷ bốn trăm sáu mươi sáu triệu đồng*).

Xét thấy, cả nguyên đơn, bị đơn đều xác nhận số tiền nợ gốc còn lại, do vậy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc buộc bà Nguyễn Bích N phải thanh toán trả số tiền nợ gốc còn lại là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, cần buộc bà Nguyễn Bích N phải có nghĩa vụ thanh toán trả toàn bộ số tiền nợ gốc còn lại là 2.466.000.000đồng (*Hai tỷ bốn trăm sáu mươi sáu triệu đồng*) cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 172/2011/HĐTDTL-CN; Giấy nhận nợ hai bên đã ký kết ngày 13/6/2011.

*\* Đối với số tiền nợ lãi trong hạn.*

- Điều 3 Hợp đồng tín dụng 172/2011/HĐTDTL-CN ngày 13/6/2011; Giấy nhận nợ các bên thỏa thuận về lãi suất trong hạn, lãi quá hạn như sau:

*Lãi suất vay “ 3.1. Lãi suất cho vay 24%/năm (lãi suất được tính trên cơ sở 1 năm 360 ngày), lãi suất được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần và được điều chỉnh theo mức lãi suất cho vay đang có hiệu lực”.*

Xét thấy, tại thời điểm hai bên ký các Hợp đồng tín dụng là thời điểm vay theo Thông tư 12/2010TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước quy định về việc cho vay theo thỏa thuận “*Điều 1. Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng nhằm đáp ứng nhu cầu vốn của dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đầu tư phát triển và đời sống có hiệu quả*”. Như vậy, việc các bên thỏa thuận mức lãi suất vay này là hoàn toàn phù hợp với quy định của Ngân hàng nhà nước về việc thỏa thuận mức lãi suất cho vay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn xác nhận tổng số tiền lãi trong hạn là 447.187.500đồng, đã trả được 325.406.072 đồng, số tiền lãi còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 121.781.428đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu bà N phải thanh toán số tiền nợ lãi trong hạn này bà N đồng ý nhưng hiện bà không có khả năng trả nợ nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Như vậy, nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận số tiền nợ lãi trong hạn này, do vậy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc buộc N phải thanh toán số tiền nợ lãi trong hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm 26/5/2022 là 121.781.428đồng là có căn cứ và được chấp nhận.

*\* Đối với số tiền nợ lãi quá hạn:*

- Điều 3 Hợp đồng tín dụng 172/2011/HĐTDTL-CN ngày 13/6/2011; Giấy nhận nợ các bên thỏa thuận về lãi suất trong hạn, lãi quá hạn như sau:

*Lãi suất vay “3.1. Lãi suất cho vay 24%/năm (lãi suất được tính trên cơ sở 1 năm 360 ngày), lãi suất được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần và được điều chỉnh theo mức lãi suất cho vay đang có hiệu lực”.*

Điều 3 Giấy nhận nợ quy định “*Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tính tại thời điểm chuyển nợ quá hạn*”.

Xét thấy, trong quá trình vay bị đơn không thực hiện trả nợ theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng do vậy khoản vay bị chuyển thành nợ quá hạn từ ngày 13/3/2012 đến ngày 13/6/2014 của số tiền nợ gốc 2.500.000.000đồng, từ ngày 29/8/2014 đến ngày 20/4/2016 trên số tiền nợ gốc 2.490.000.000đồng, từ ngày 22/4/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm trên số tiền nợ gốc 2.466.000.000đồng với mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Tổng cộng số tiền nợ lãi quá hạn là **4.874.943.688đồng**.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện Ngân hàng và bị đơn đã có nhiều biên bản làm việc liên quan đến việc trả nợ. Trước thời điểm mở phiên tòa nguyên đơn có văn bản tính lại mức lãi suất quá hạn được điều chỉnh theo từng kỳ mà hai bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng vay, do vậy số tiền lãi quá hạn được giảm đi so với yêu cầu khởi kiện ban đầu, đây là tình tiết có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận. Bị đơn xác nhận và đồng ý với cách tính lãi, số tiền lãi quá hạn còn nợ, do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn phải thanh toán số tiền nợ lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm 26/5/2022 là 4.874.943.688đồng là hoàn toàn có căn cứ được chấp nhận.

\* Từ những căn cứ trên, buộc bị đơn phải thanh toán trả nguyên đơn tổng số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số 172/2011/HĐTDTL-CN ngày 13/6/2011 hai bên đã ký kết, tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 26/5/2022 là: 7.462.725.116đồng, trong đó nợ gốc 2.466.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 121.781.428đồng, nợ lãi quá hạn 4.874.943.688đồng.

\* Đối với yêu cầu tính lãi phạt của phần nợ lãi vay chậm trả được hai bên thỏa thuận trong Hợp đồng. Thấy rằng yêu cầu khởi kiện ban đầu của nguyên đơn có yêu cầu bị đơn phải trả số tiền phạt này. Tuy nhiên trước thời điểm mở phiên tòa và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn rút yêu cầu này, xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, có lợi cho bị đơn và không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu do vậy được chấp nhận. Cần đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi phạt chậm trả của phần nợ lãi này.

*[2.3] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp Hội đồng xét xử nhận thấy:*

- Để đảm bảo cho khoản vay ngày 10/6/2011 bà Nguyễn Bích N ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất với Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Long Biên. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất quyền sử hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất với diện tích 190,3m<sup>2</sup> đất ở trên thửa đất số: 177; tờ bản đồ số: 02 tại địa chỉ Y, phường Y, quận Hà Đông, TP. Hà Nội theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BĐ 714436; Số vào sổ cấp GCN: CH-001215 do UBND quận Hà Đông cấp ngày 16/03/2011 mang tên chủ sử dụng đất bà Nguyễn Bích N. Hợp đồng thế chấp được ký tại Phòng Công chứng số 1 - Thành phố Hà Nội, số công chứng 5138,11, quyền số 02-TP/CC-CC/HĐGD. Tài sản thế chấp được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất - Phòng tài nguyên và môi trường quận Hà Đông, thành phố Hà Nội ngày 10/6/2011.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Hợp đồng thế chấp quy định: *“Bên vay tự nguyện thế chấp toàn bộ diện tích quyền sử dụng đất nói trên cho Bên ngân hàng để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ khoản tiền...2.500.000.000đồng...”*;

*“Mọi công trình, diện tích do bên vay cải tạo, xây dựng thêm gắn liền với diện tích đất đã thế chấp, đều thuộc tài sản thế chấp theo Hợp đồng này”*.

Ngoài ra, Hợp đồng thế chấp còn nêu cụ thể các quyền và nghĩa vụ khác.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng việc Ngân hàng và bà Nguyễn Bích N ký hợp đồng thế chấp này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc không vi phạm điều cấm của pháp luật. Hợp đồng có nội dung và hình thức phù hợp với các Điều 342, 343, 715 Bộ luật dân sự 2005; Điều 106 Luật đất đai năm 2003, Hợp đồng được công chứng và đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định tại Nghị định 163/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch đảm bảo nên có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với nhà đất này thì thấy hiện trên nhà đất có gia đình bà Nguyễn Thị C, ông Trịnh Duy T, anh Trịnh Duy T và chị Trịnh Thị D đang sinh sống tại đây. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ bà N xác nhận hiện trạng nhà đất đúng như thời điểm thế chấp. Bà C chứng kiến và có ý kiến về việc ở trên đất của bà Nguyễn Bích N gia đình bà không có giấy tờ gì về việc thuê, mượn, hay ở nhờ...

Bà N xác nhận khi bà ký Hợp đồng thế chấp với Ngân hàng, Ngân hàng và bà đã có đến tài sản thế chấp để xem xét và thẩm định tài sản vay. Tại thời điểm thế chấp trên thửa đất của bà đã có 01 nhà tạm cấp 4 lợp proximang phía ngoài đường khoảng hơn 30m<sup>2</sup> và không có ai ở. Do không có nhu cầu sử dụng và bận công việc nên bà không qua kiểm tra khu đất của mình nên việc bà C, ông T, anh T, chị D đang ở trên đất mà bà đã thế chấp cho Ngân hàng từ thời điểm nào bà N không biết, bà N không cho thuê, cho mượn, cho ở nhờ hay chuyển nhượng...

Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà C, ông T, anh T, chị D hiện đang ở trên đất của bà N, thấy rằng:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho những người này thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên chỉ có bà C đến Tòa án làm việc một lần nhưng không ký biên bản, còn lại những người khác không đến Tòa án làm việc. Tất cả mọi người đều không có ý kiến trình bày quan điểm cụ thể, không đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề nào liên quan đến quyền lợi của mình, không có yêu cầu độc lập, không giao nộp tài liệu chứng cứ và không chứng minh được việc đang ở trên đất của bà Nguyễn Bích N là hợp pháp, do vậy Tòa án không có căn cứ để xem xét, giải quyết.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Hợp đồng thế chấp quy định: “...*Mọi công trình, diện tích do bên vay cải tạo, xây dựng thêm gắn liền với diện tích đất đã thế chấp, đều thuộc tài sản thế chấp theo Hợp đồng này*”. Như vậy, xác định các tài sản hiện có trên đất của bà N cũng đều thuộc tài sản thế chấp.

Từ những căn cứ trên, chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp của bà Nguyễn Bích N, trong trường hợp bà N không trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mại tài sản thế chấp của bà Nguyễn Bích N để thu hồi nợ. Khi xử lý phát mại tài sản thế chấp thì những người hiện đang sinh sống trên nhà đất của bà N phải có trách nhiệm chuyển ra khỏi nhà đất của bà N để bàn giao tài sản thế chấp cho cơ quan thi hành án có thẩm quyền thi hành án theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, nguyên đơn được hoàn lại tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân tại phiên tòa phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Điều 342, 243, 355; Điều 471; Điều 474; Điều 476 Bộ luật dân sự 2005.

- Điều 106 Luật đất đai 2003.

- Điều 90, 91, 94, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Khoản 1 điều 30; điểm b khoản 1 Điều 40; Điều 91, Điều 97, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 244; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch đảm bảo; Nghị định 11/CP/2012 ngày 22/2/2011 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch đảm bảo.

- Điểm đ, khoản 1 Điều 12; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

**Xử:**

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với bà Nguyễn Bích N về Tranh chấp hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 172/2011/HĐTDTL-CN ngày 13/6/2011 đã ký giữa Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Long Biên với bà Nguyễn Bích N.

[2]. Buộc bà Nguyễn Bích N phải thanh toán trả Ngân hàng TMCP S tổng số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 172/2011/HĐTDTL-CN ngày 13/6/2011 mà hai bên đã ký kết, tạm tính đến ngày 26/5/2022 là **7.462.725.116đồng** (*Bảy tỷ bốn trăm sáu mươi hai triệu bảy trăm hai lăm nghìn một trăm mười sáu đồng*); Trong đó nợ gốc **2.466.000.000đồng** (*Hai tỷ bốn trăm sáu mươi sáu triệu đồng*), nợ lãi trong hạn là **121.781.428đồng** (*Một trăm hai mươi một triệu bảy trăm tám một nghìn bốn trăm hai tám đồng*); Nợ lãi quá hạn **4.874.943.688đồng** (*Bốn tỷ tám trăm bảy mươi tư triệu chín trăm bốn ba nghìn sáu trăm tám tám đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Nguyễn Bích N phải tiếp tục chịu lãi đối với khoản nợ chưa thanh toán theo mức lãi suất quá hạn của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận quy định trong Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết.

[3]. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với yêu cầu tính lãi phạt chậm trả của phần nợ lãi vay chậm trả theo Hợp đồng tín dụng số 172/2011/HĐTDTL-CN ngày 13/6/2011.

[4]. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu bà Nguyễn Bích N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ là:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với 190,3 m2 đất ở, thuộc thửa đất số 17, tờ bản đồ số 02 tại địa chỉ: Y, phường Y, quận Hà Đông, TP. Hà Nội theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BĐ 714436; Số vào sổ cấp GCN: CH-001215 do UBND quận Hà Đông cấp ngày 16/03/2011 mang tên chủ sử dụng đất bà Nguyễn Bích N. Hợp đồng thế chấp được ký giữa bên thế chấp bà Nguyễn Bích N với bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Long Biên ngày

10/6/2011, tại Phòng Công chứng số 1 – Thành phố Hà Nội, số công chứng 5138,11, quyền số 02-TP/CC-CC/HĐGD. Tài sản thế chấp được đăng ký gia dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – Phòng tài nguyên và môi trường quận Hà Đông, TP Hà Nội ngày 10/6/2011.

[5]. Trong trường hợp phải xử lý tài sản thế chấp nêu trên thì những người sinh sống, cư trú trên nhà đất của bà Nguyễn Bích N phải có trách nhiệm chuyển ra khỏi nhà đất của bà Nguyễn Bích N để bàn giao tài sản thế chấp cho cơ quan thi hành án có thẩm quyền thi hành án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp sau khi phát mại các tài sản thế chấp nêu trên, nếu số tiền phát mại không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì bà Nguyễn Bích N còn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng TMCP S đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Bích N phải chịu 115.462.725 đồng án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn lại số tiền 59.000.000 đồng tạm ứng án phí Ngân hàng TMCP S đã nộp theo biên lai số AA/2020/0006684 ngày 26/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

[7]. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

[8]. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND Q. Thanh Xuân;
- Chi cục THADS Q. Thanh Xuân;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**